

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2018/DS-ST

Ngày: 10/10/2018

V/v: *Tranh chấp hợp đồng
dân sự “vay tài sản” và “thuê
mướn”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Cẩm Linh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hồ Thị Hoa

2. Ông Dương Văn Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Nhung là thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 10 tháng 10 năm 2018, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 96/2018/TLST- DS ngày 30 tháng 7 năm 2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và thuê mướn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2018/QĐXXST- DS ngày 27 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2018/QĐST – DS ngày 21 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Thanh T**, sinh năm: 1969 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp XN B, xã TT, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

* *Bị đơn:* Ông **Huỳnh Thiện C**, sinh năm: 1957 (Vắng mặt không có lý do)

Địa chỉ: ấp XNA, xã TT, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 27/6/2018, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông T trình bày và yêu cầu như sau:* Nguyên từ tháng 10/2017, ông T có cho ông Huỳnh Thiện C vay số tiền là 5.550.000 đồng không tính lãi, ông C hẹn 10 ngày sau sẽ trả nhưng ông C không thực hiện như lời hứa. Khi ông C nhận tiền, giữa ông Tuấn và ông C không có làm giấy tờ gì.

Sau đó, ông T có đi làm công thuê cho ông C (vì ông C là chủ máy bơm sinh, máy khoan vuông) với số tiền là 3.300.000 đồng, ông C đã lấy tiền của các chủ đất nhưng không thanh toán tiền làm công lại cho ông T.

Ngoài ra, ông C có mua lại của ông T 01 tu hít bơm sinh với giá là 3.000.000 đồng. Không có giấy tờ mua bán.

Khoảng 06 tháng sau, ông C có trả cho ông T số tiền mua tu hít bơm sinh là 3.000.000 đồng, ông C còn nợ lại tiền vay và tiền làm thuê tổng cộng là 8.550.000 đồng. Ông T có đòi nhiều lần nhưng ông C chỉ hứa cho qua và đến nay không trả.

Ông T có yêu cầu đến BLĐ ấp XNA giải quyết thì ông C thừa nhận và yêu cầu được trả dần mỗi tháng là 500.000 đồng nhưng ông T không đồng ý.

Tại phiên tòa: Ông T yêu cầu ông Huỳnh Thiện C trả cho ông số tiền vay và tiền làm công tổng cộng là 8.850.000 đồng 01 lần sau khi án có hiệu lực. Ngoài ra ông T không yêu cầu gì thêm.

** Theo tờ tường trình ngày 08/8/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Huỳnh Thiện C trình bày và yêu cầu như sau:* Ông C xác định là ông có vay của ông T số tiền là 5.550.000 đồng, tiền thuê ông T làm công là 3.300.000 đồng, tổng cộng 02 khoản là 8.850.000 đồng và do hoàn cảnh khó khăn nên đến nay ông chưa trả được cho ông T.

Ông đồng ý trả cho ông T số tiền là 8.850.000 đồng và xin trả dần cho ông T mỗi tháng là 500.000 đồng cho đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (*gọi tắt là HĐXX*) nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:* Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Huỳnh Thiện C (*có nơi cư trú tại ấp Xẻo Ngát A, xã Tân Thạnh, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang*) trả tiền vay và tiền làm công còn nợ lại ông là tranh chấp về hợp đồng dân sự “vay tài sản và thuê mướn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Huỳnh Thiện C đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ nhưng tại phiên tòa ông C vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Xét thấy, trường hợp vắng mặt của ông C không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông C.

[2] *Về nội dung trong vụ án:* Từ tháng 10/2017, ông C có hỏi vay của ông T số tiền gốc là 5.550.000 đồng hẹn 10 ngày sau sẽ trả, ông C có thuê ông T

làm công (do ông C là chủ máy bơm sinh và khoan vuông) với số tiền 3.300.000 đồng và mua tu hút bơm sinh của ông T với số tiền là 3.000.000 đồng. Khoảng 06 tháng sau, ông C có trả cho ông T được số tiền mua tu hút. Ông C còn nợ lại ông T số tiền vay và tiền công làm thuê tổng cộng là 8.850.000 đồng đến nay ông C chưa trả được.

Ông T có nhờ Ban lãnh đạo ấp Xẻo Ngát A giải quyết nhưng hòa giải không thành do ông C hẹn trả dần mỗi tháng là 500.000 đồng, ông T không đồng ý cách trả nợ của ông C nên ông T khởi kiện và yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông C trả cho ông 01 lần số tiền vay gốc là 5.550.000 đồng và tiền công làm thuê là 3.000.000 đồng. Tổng cộng 02 khoản là 8.850.000 đồng.

2.1 Xét yêu cầu của ông T về việc yêu cầu ông C trả cho ông số tiền vay và tiền công làm thuê còn nợ lại là 8.850.000 đồng, trong đó tiền vay là 5.550.000 đồng và tiền công làm thuê là có căn cứ chấp nhận.

Bởi vì, trong quá trình giải quyết vụ án, ông C xác nhận hiện nay còn nợ ông T tổng cộng 02 khoản (tiền vay và tiền công làm thuê) là 8.850.000 đồng và đến nay ông chưa trả được là đúng.

2.2 Xét lời khai nại của bị đơn ông C, cho rằng hiện nay hoàn cảnh gia đình khó khăn nên ông xin trả dần cho ông T mỗi tháng là 500.000 đồng cho đến khi hết số tiền 8.850.000 đồng (*Tám triệu tám trăm năm mươi nghìn*).

HĐXX xét thấy, cách thức và thời gian trả nợ của ông C là kéo dài thời gian làm thiệt thời quyền lợi của ông T và tại phiên tòa ông T cũng không đồng ý theo yêu cầu trả nợ của ông C.

Ngoài ra, Tòa án không ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành án nên HĐXX không có cơ sở xem xét.

Do đó, cần buộc ông Huỳnh Thiện C có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Thanh T số tiền vay gốc và tiền công làm thuê tổng cộng là 8.850.000 đồng (*Tám triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng*) khi án có hiệu lực pháp luật.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:*

- Buộc ông Huỳnh Thiện C phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho ông Nguyễn Thanh T là $8.850.000 \text{ đồng} \times 5\% = 442.500 \text{ đồng}$ (*Bốn trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm đồng*).

- Do yêu cầu của ông Nguyễn Thanh T) được chấp nhận nên hoàn trả lại cho ông T số tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo lai thu số 0008843 ngày 25/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

[4] *Quyền kháng cáo:* Ông T có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng ông C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 357, Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 1 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Buộc ông Huỳnh Thiện C trả cho ông Nguyễn Thanh T số tiền vay và tiền công làm thuê tổng cộng là 8.850.000 đồng (*Tám triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày ông Nguyễn Thanh T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Huỳnh Thiện C không trả đủ số tiền trên thì hàng tháng ông C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí DSST:

- Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Thanh T số tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo lai thu số 0008843 ngày 25/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Buộc Huỳnh Thiện C phải chịu án phí là 442.500 đồng (*Bốn trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm đồng*).

3. *Quyền kháng cáo:* Ông T có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 10/10/2018).

Riêng ông C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND cùng cấp;
- TAND tỉnh KG;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trịnh Thị Cẩm Linh